

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN KẾP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 180 /BC-UBND

Kếp, ngày 30 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình ước thực hiện thu - chi ngân sách năm 2023; Dự kiến phân bổ dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 342/2016/TT- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 344/2016/TT- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ- UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Lạng Giang về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023.

UBND thị trấn báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2023 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT I

Báo cáo kết quả ước thực hiện Dự toán thu - chi ngân sách thị trấn năm 2023

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Năm 2023 tổng thu: 26.536.289.849 đồng đạt 226,6% so với dự toán cả năm.

1. Thu các khoản xã hưởng 100%: 443.389.400 đồng đạt 201,54%, cụ thể như sau:

- Thu phí, lệ phí : 85.980.000 đồng đạt 90,5% dự toán;

- Thu hoa lợi công sản đất công ích: 265.400.400 đồng đạt 482,5%. Gồm:

+ Đất công ích do UB thu: 69.000.000 đồng

+ Hỗ trợ đất công ích khi bàn giao GPMB: 196.400.400 đồng

- Thu khác : 92.009.000 đồng đạt 131,4%, bao gồm:

Thu giá chợ: 84.000.000 đồng

Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an ninh quốc phòng: 8.009.000 đồng.

2. Thu các khoản hưởng theo tỷ lệ %: 3.228.459.228 đồng đạt 100,3%, cụ thể như sau:

- Thuế thu nhập cá nhân : 1.094.968.230 đồng đạt 81,1% DT cả năm.
- Thuế sử dụng đất PNN: 677.329.652 đồng đạt 94,1% dự toán năm;
- Thuế môn bài : 209.200.000 đồng, đạt 123,1 % DT cả năm;
- Lệ phí trước bạ nhà đất : 425.380.915 đồng, đạt 121,5% DT cả năm.
- Thuế TNDN và VAT: 599.440.131 đồng, đạt 95,1% DT cả năm;
- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại: 222.140.300 đ;

3. Tiền sử dụng đất : 327.365.000 đồng, đạt 9,4% DT cả năm;

4. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 17.530.779.715 đồng;

5. Thu kết dư ngân sách năm trước chuyển sang: 458.506 đồng.

6. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.005.838.000 đồng đạt 104,9%, cụ thể như sau:

- Thu bổ sung cân đối: 3.809.701.000 đồng đạt 100% dự toán cả năm;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.196.137.000 đồng đạt 124,5, trong đó:

KP huấn luyện DQTV, hội thao: 373.723.000 đồng;

Chế độ cán bộ Thú y: 88.104.000 đồng;

Hỗ trợ kinh phí đội dân phòng theo NQ 22/2022/NQ-HĐND: 229.310.000 đồng;

KP hỗ trợ hoạt động xử lý rác thải theo NQ số 06/2020/NQ-HĐND tỉnh: 270.000.000 Đồng;

KP hỗ trợ Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 135.000.000 đồng;

KP hỗ trợ UBND thị trấn: 100.000.000 đồng;

(Có biểu 01 chi tiết kèm theo)

II. PHÂN CHI

Tổng chi năm 2023 là: 26.535.559.584 đồng đạt 226,6% so với dự toán giao cả năm, trong đó:

1. Chi đầu tư XD CB: 6.001.488.000 đồng đạt 171,5% DT cả năm: Gồm:
ĐVT: đồng.

1	Xây dựng công trình phụ trợ trường Mầm non thị trấn Kép	991.634.000
2	Nâng cấp, cải tạo bia cấm thù, Biển an hung lực lượng vũ trang nhân dân	79.808.000
3	Nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa công trình NVH TDP Lèo, nghĩa trang nhân dân 03 thôn Đồng	234.702.000

4	Nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa công trình đường từ cổng ông Nguyễn đi cổng ông Lưu TDP Lèo	428.950.000
5	Xây dựng nhà phát triển thể chất trường Mầm non thị trấn Kép (khu A)	787.000.000
6	Cải tạo, nâng cấp đường từ tỉnh lộ 292 vào cổng 3 trường: THCS, Tiểu học, MN thị trấn Kép	2.214.699.000
7	Xây dựng hệ thống đài truyền thanh thị trấn Kép	12.692.000
8	Nâng cấp, cải tạo di chuyển mộ nghĩa trang liệt sĩ thị trấn Kép	20.953.000
9	Cải tạo, mở rộng nền đường từ thôn Tân đi thôn Đồng 1, từ TL 292 đi thôn Vạc	55.983.000
10	Cải tạo, mở rộng nền đường giao thông tại các thôn Lèo, Tân, Dinh, Cả, Hạ, Vạc	53.698.000
11	Xây dựng nhà để xe học sinh lát sân dưới trường tiểu học xã Tân Thịnh	59.298.000
12	Cải tạo nhà làm việc khu phụ trợ và lắp đặt thiết bị trụ sở UBND xã Tân Thịnh	63.673.000
13	San nền, GPMB mở rộng khuôn viên trường THCS thị trấn Kép	800.000.000
14	Xây dựng nhà văn hoá TDP Lèo	8.103.000
15	Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ xã Tân Thịnh	54.304.000
16	Cứng hoá kênh mương nội đồng Đồng Yên, Non Riền, Độc Hạ	135.991.000

2. Chi thường xuyên: 9.085.158.319 đồng đạt 113,7% DT cả năm, trong đó:

Chi dân quân tự vệ: 521.430.000 đồng đạt 97,6% dự toán;

Chi an ninh trật tự: 72.615.500 đồng đạt 123,0% dự toán tăng chi chủ yếu tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy - CNCH, đề án 06;

- Chi đài truyền thanh: 6.500.000 đồng đạt 22,6% dự toán (thấp do đài truyền thanh thông minh vừa đi vào hoạt động;

- Chi văn hóa thông tin: 72.622.700 đồng đạt 120,4% dự toán tăng do thi GD văn hoá tiêu biểu, liên hoan văn nghệ các làng văn hoá;

- Chi thể dục thể thao: 49.123.000 đồng đạt 186,2 % dự toán (tăng do tham gia các giải thể thao huyện);

- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.209.215.000 đồng đạt 76,0% dự toán, trong đó:

Sự nghiệp giao thông: 119.497.000 đồng đạt 23,9% dự toán cả năm (thấp do điều chỉnh dự toán sang hỗ trợ chi sửa chữa trường học);

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi: 19.400.000 đồng đạt 97% dự toán;

Sự nghiệp môi trường: 334.520.000 đồng đạt 100%;

Sự nghiệp khác: 735.798.000 Đồng đạt 100% ;

- Chi đảm bảo xã hội: 185.890.000 đồng đạt 99% dự toán;

- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 6.937.850.239 đồng đạt 128,1% so dự toán.

Chi quản lý nhà nước: 4.723.974.439 đồng đạt 135,3% dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở, thực hiện hỗ trợ các đề án, KH các ngành đoàn thể chính trị);

Công tác Đảng: 825.718.880 đồng đạt 112,32% dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở);

Chi UBMTTQ: 491.198.000 đồng đạt 107,8% dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở);

Chi Đoàn thanh niên: 262.124.200 đồng đạt 161,3% dự toán (tăng do tổ chức giải bóng đá TTN hè, chi tăng lương cơ sở);

Chi Hội PN: 185.522.520 đồng đạt 110,9 % dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở) .

Chi Hội Nông Dân: 200.275.600 đồng đạt 113,0% dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở);

Chi Hội Cựu chiến Binh: 140.030.400 đồng đạt 113,8 % dự toán ((tăng do chi tăng lương cơ sở);

Chi Hội Chữ Thập đỏ: 28.740.000 đồng đạt 106,9% dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở);

Chi Hội Người cao tuổi: 80.266.200 đồng đạt 112,1% dự toán (tăng do chi tăng lương cơ sở);

+ Chi khác: 29.911.880 đồng đạt 99,2% dự toán ;

3. Chi chuyển nguồn: 11.448.913.265 đồng;

(Có biểu 02 chi tiết kèm theo)

***Đánh giá chung**

Năm 2023, UBND thị trấn đã tập trung cao chỉ đạo Hội đồng tư vấn thuế, công chức chuyên môn tận dụng các nguồn thu trên địa bàn đảm bảo chi thường xuyên và chi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Một số nguồn thu tỷ lệ đạt cao như: Lệ phí môn bài: 123,1%, lệ phí trước bạ nhà đất: 121,5%... Bên cạnh đó một số nguồn thu chưa đạt kế hoạch như: thuế sử dụng đất PNN 94,1% *(do cán bộ thuế đã tập trung đối chiếu, rà soát các hộ giảm trừ với chi cục thuế, loại bỏ các hộ trong đối tượng giảm trừ, không thể thu được)*, thu phí, lệ phí 90,5% *(do trong năm thực hiện chủ yếu trên dịch vụ công mà theo NQ 11 của HĐND tỉnh thì được giảm 50% lệ phí chứng thực trực tuyến và hiện không sử dụng sổ hộ khẩu bằng giấy mà thông tin về nơi cư trú được khai thác trực tiếp trên dịch vụ công);* thu tiền sử dụng đất đạt thấp 9,4% *(do đầu giá đất không bán được)*.

UBND thị trấn đã thực hiện chi ngân sách đảm bảo đúng dự toán, đúng Luật ngân sách; đảm bảo lương, tăng lương cơ sở, các khoản phụ cấp và đảm bảo hoạt động của hệ thống chính trị. Luôn đảm bảo chi đủ và kịp thời các nhiệm vụ chung của địa phương, các nhiệm vụ của các ngành đoàn thể. Tiết kiệm ngân sách chi thường xuyên năm 2023 phòng chống lãng phí.

III. KẾT LUẬN

Tổng thu năm 2023 ước thực hiện: **26.536.289.849** đồng;

Tổng chi năm 2023 ước thực hiện: **26.535.559.584** đồng;

Kết dư ngân sách: 730.265 đồng.

PHẦN THỨ II

Dự kiến phân bổ dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ vào kết quả thảo luận về kế hoạch phát triển kinh tế - thị trấn hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế thị trấn hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng năm 2024 của địa phương. Dự thảo nghị quyết HĐND tỉnh Bắc Giang năm 2024 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 ...và phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025. UBND thị trấn xây dựng dự toán ngân sách năm 2024 cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH GIAO THU NSX NĂM 2024:

Tổng thu ngân sách thị trấn năm 2024 (chưa trừ tiết kiệm): 12.743.256.000 đồng

Tổng thu ngân sách thị trấn năm 2024(đã trừ tiết kiệm): 12.621.889.000 đồng

Trong đó:

1. Các khoản thu do thị trấn thực hiện: 460.000.000 đồng

Bao gồm các khoản thu như sau:

- Phí và lệ phí: 95.000.000 đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích và HLCS : 235.000.000 đồng.
- Thu khác: 130.000.000 đồng.

2. Các khoản thu ngân sách thị trấn hưởng theo tỷ lệ %: 6.707.000.000 đồng, bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản: 1.100.000.000 đồng;
- Thuế sử dụng đất PNN: 750.000.000 đồng;
- Lệ phí môn bài: 180.000.000 đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 3.000.000.000 đồng;
- Thuế TNDN + Thuế GTGT: 1.127.000.000 đồng;
- Lệ phí trước bạ, nhà đất: 550.000.000 đồng;

3. Sử dụng nguồn cải cách tiền lương: 1.050.684.000 đồng;

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên

4.1. Thu bổ sung cân đối:

- Tổng thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (*chưa trừ tiết kiệm*): 3.525.489.000 đồng.

Trừ tiết kiệm 10%: 121.367.000 đồng)

- Tổng thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (*đã trừ tiết kiệm*): 3.404.122.000 đồng.

4.2 Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 1.000.083.000 đồng.

II. DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2024

Tổng dự toán chi ngân sách năm 2024 (*chưa trừ tiết kiệm*): 12.743.256.000 đồng

Trừ tiết kiệm 10%: 121.367.000 đồng;

Còn được chi: 12.621.889.000 đồng, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 3.000.000.000 đồng

2. Chi thường xuyên (đã trừ tiết kiệm): 8.964.006.000 đồng (Bao gồm cả chi bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên: 1.000.083.000đ), cụ thể chi như sau:

- Chi công tác dân quân tự vệ và an ninh trật tự: 568.062.000 đồng.

Trong đó: - Chi an ninh: 66.000.000 đồng

- Chi quốc phòng địa phương: 502.062.000 đồng.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 60.294.000 đồng

- Chi sự nghiệp truyền thanh: 83.700.000 đồng.

- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao: 26.378.000 đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 647.876.000 đồng. Gồm:

+ Sự nghiệp nông nghiệp: 27.876.000 đồng;

+ Sự nghiệp GT: 270.000.000 đồng.

+ Sự nghiệp KTK: 350.000.000 đồng

- Chi sự nghiệp môi trường: 334.600.000 đồng.

- Chi sự nghiệp xã hội: 192.558.000 đồng.

- Chi quản lý hành chính (đã trừ tiết kiệm): 7.020.880.000 đồng.

Bao gồm các khối:

+ Chi quản lý nhà nước và HĐND: 4.572.947.000 đồng;

+ Chi công tác Đảng: 996.454.000 đồng.

+ Chi Mặt trận tổ quốc: 524.734.000 đồng.

+ Chi hoạt động đoàn thanh niên: 190.377.000 đồng.

+ Chi hoạt động hội Phụ nữ: 221.250.000 đồng.

+ Chi hoạt động hội nông dân: 226.818.000 đồng

+ Chi hoạt động hội cựu chiến binh: 147.828.000 đồng.

+ Hội người cao tuổi: 109.872.000 đồng.

+ Hội chữ thập đỏ: 30.600.000 đồng.

- Chi khác: 29.658.000 đồng.

3. Chi dự phòng: 289.883.000 đồng.

4. Trích tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 368.000.000 đồng;

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là báo cáo tình hình ước thực hiện thu - chi ngân sách năm 2023, báo cáo dự kiến phân bổ dự toán thu - chi năm 2024.

UBND thị trấn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND thị trấn (b/c);
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND thị trấn;
- Các đại biểu dự kỳ họp HĐND thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Khôi



BẢNG KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán cấp trên giao	Ước TH cả năm	Ư' TH/DT (%)
	Tổng số thu ngân sách xã	11.710.838.000	26.536.289.849	226,60
I	Các khoản thu do xã thực hiện	220.000.000	443.389.400	201,54
1	Phí, lệ phí	95.000.000	85.980.000	90,5
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	55.000.000	265.400.400	482,5
2.1	Trong đó 3901		69.000.000	
2.2	Trong đó 3903		196.400.400	
3	Thu khác	70.000.000	92.009.000	131,4
II	Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ điều tiết (%)	3.220.000.000	3.228.459.228	100,3
1	Thu thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	1.350.000.000	1.094.968.230	81,1
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	720.000.000	677.329.652	94,1
3	Thu lệ phí môn bài	170.000.000	209.200.000	123,1
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	350.000.000	425.380.915	121,5
5	Thu thuế GTGT, TNCN từ cá nhân SXKD	630.000.000	599.440.131	95,1
6	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	0	222.140.300	
III	Thu tiền sử dụng đất	3.500.000.000	327.365.000	9,4
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		458.506	
V	Thu chuyển nguồn		17.530.779.715	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.770.838.000	5.005.838.000	104,9
1	Thu BS cân đối NS	3.809.701.000	3.809.701.000	100,0
2	Thu BS có MT	961.137.000	1.196.137.000	124,5

BÁO CÁO KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023Đơn vị: *Đồng*

TT	Chỉ tiêu	Dự toán cấp trên giao	Ước TH cả năm	Ư' TH/DT (%)
A	Tổng số chi	11.710.838.000	26.535.559.584	226,6
I	Chi đầu tư phát triển	3.500.000.000	6.001.488.000	171,5
II	Chi thường xuyên	7.988.955.000	9.085.158.319	113,7
1	Chi công tác QPDP	534.057.000	521.430.000	97,6
2	Chi công tác ANTT	59.032.000	72.615.500	123,0
3	Chi sự nghiệp giáo dục			
4	Chi sự nghiệp y tế			
5	Chi sự nghiệp VH TT	60.294.000	72.622.700	120,4
6	Chi sự nghiệp PT-TH	83.700.000	6.500.000	7,8
7	Chi sự nghiệp TĐTT	26.378.000	49.123.000	186,2
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.590.398.000	1.209.215.000	76,0
8.1	Sự nghiệp giao thông	500.000.000	119.497.000	23,9
8.2	Sự nghiệp Nông lâm, thủy lợi	20.000.000	19.400.000	97,0
8.3	Sự nghiệp môi trường	334.600.000	334.520.000	100,0
8.4	Sự nghiệp khác	735.798.000	735.798.000	100,0
9	Chi sự nghiệp ĐBXH	187.770.000	185.890.000	99,0
10	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.417.173.000	6.937.850.239	128,1
10.1	Quản lý Nhà nước	3.492.524.400	4.723.974.439	135,3
10.2	Đảng cộng sản Việt Nam	740.544.000	825.718.880	111,5
10.3	Mật trận tổ quốc	455.459.000	491.198.000	107,8
10.4	Đoàn thanh niên	162.527.000	262.124.200	161,3
10.5	Hội Liên hiệp PN	167.306.000	185.522.520	110,9
10.6	Hội Cựu chiến binh	123.075.600	140.030.400	113,8
10.7	Hội Nông dân	177.277.000	200.275.600	113,0
10.8	Hội Người cao tuổi	71.580.000	80.266.200	112,1
10.9	Hội chữ thập đỏ	26.880.000	28.740.000	106,9
11	Chi khác	30.153.000	29.911.880	99,2
12	Dự phòng	221.883.000		0
III	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau		11.448.913.265	

UBND THỊ TRẦN KÉP

Biểu số 4

DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch phân bổ dự toán năm 2024		Ghi chú
		Thu NSNN	Thu NSX	
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ (Chưa trừ TK)	41.876.256.000	12.743.256.000	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ (Đã trừ TK):	41.754.889.000	12.621.889.000	
I	CÁC KHOẢN THU DO XÃ THỰC HIỆN	460.000.000	460.000.000	
1	Phí và lệ phí	95.000.000	95.000.000	
2	Thu từ % quỹ đất công ích và HLCS	235.000.000	235.000.000	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước			
4	Thu khác	130.000.000	130.000.000	
II	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)	35.840.000.000	6.707.000.000	
1	Thuế thu nhập cá nhân (50%)	2.200.000.000	1.100.000.000	
2	Thuế SD đất phi nông nghiệp	750.000.000	750.000.000	
3	Lệ phí môn bài (100%)	180.000.000	180.000.000	
4	Lệ phí trước bạ nhà đất (50%)	1.100.000.000	550.000.000	
5	Thu tiền sử dụng đất (10%)	30.000.000.000	3.000.000.000	
6	Thuế TNDN + VAT (70%)	1.610.000.000	1.127.000.000	
6.1	<i>Thuế VAT (hệ SXKD)</i>	<i>950.000.000</i>	<i>665.000.000</i>	
6.2	<i>Thuế TNCN (hệ SXKD)</i>	<i>660.000.000</i>	<i>462.000.000</i>	
III	SỬ DỤNG NGUỒN CCTL	1.050.684.000	1.050.684.000	
IV	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	4.525.572.000	4.525.572.000	
1	Bổ sung cân đối NS	3.525.489.000	3.525.489.000	
1.1	<i>Trừ tiết kiệm 10%</i>	<i>121.367.000</i>	<i>121.367.000</i>	
1.2	<i>Còn được chi</i>	<i>3.404.122.000</i>	<i>3.404.122.000</i>	
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.000.083.000	1.000.083.000	
2.1	<i>Hỗ trợ KP hoạt động theo QĐ số 99/QĐ-TU</i>	<i>127.050.000</i>	<i>127.050.000</i>	
2.2	<i>Huấn luyện DQTV, hội thao</i>	<i>373.723.000</i>	<i>373.723.000</i>	
2.3	<i>Hỗ trợ KP TX đội dân phòng theo NQ số 22/2022/NQ-HĐND</i>	<i>229.310.000</i>	<i>229.310.000</i>	
2.4	<i>HT hoạt động xử lý rác thải theo NQ số 06/2020/NQQ-HĐND</i>	<i>270.000.000</i>	<i>270.000.000</i>	
V	THU CHUYỂN NGUỒN			
B	THU NGÂN SÁCH CHỨA QUA KHO BẠC			

UBND THỊ TRẦN KÉP

Biểu số 05

DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm (chưa trừ tiết kiệm chi)	Trừ tiết kiệm chi 10%	Còn được chi	Ghi chú
	TỔNG CHI	12.743.256.000	121.367.000	12.621.889.000	
I	I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3.000.000.000		3.000.000.000	
II	II. CHI THƯỜNG XUYÊN	9.085.373.000	121.367.000	8.964.006.000	
1	Chi công tác dân quân tự vệ và an ninh trật tự	580.062.000	12.000.000	568.062.000	
1.1	Chi an ninh trật tự	66.000.000		66.000.000	
1.2	Chi quốc phòng	514.062.000	12.000.000	502.062.000	
2	Sự nghiệp giáo dục (sửa chữa, mua sắm Tài sản)			-	
3	Sự nghiệp y tế			-	
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	66.993.000	6.699.000	60.294.000	
5	Sự nghiệp truyền thanh	93.000.000	9.300.000	83.700.000	
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	29.309.000	2.931.000	26.378.000	
7	Sự nghiệp kinh tế	660.000.000	12.124.000	647.876.000	
7.1	SN nông nghiệp	40.000.000	12.124.000	27.876.000	
7.2	SN giao thông	270.000.000		270.000.000	
7.3	SN KT khác	350.000.000		350.000.000	
8	SN môi trường	341.778.000	7.178.000	334.600.000	
9	Sự nghiệp xã hội	198.061.000	5.503.000	192.558.000	
9.1	Phụ cấp hưu xã	198.061.000		192.558.000	
9.2	Hoạt động (cứu tế, đối tượng CS, mai táng phí ...)			-	
10	Chi quản lý hành chính	7.083.162.000	62.282.000	7.020.880.000	
10.1	Quản lý Nhà nước	4.620.729.000	47.782.000	4.572.947.000	
10.2	Đảng cộng sản VN	1.002.454.000	6.000.000	996.454.000	
10.3	Mặt trận Tổ quốc	526.234.000	1.500.000	524.734.000	
10.4	Đoàn Thanh niên CSHCM	191.677.000	1.300.000	190.377.000	
10.5	Hội Phụ nữ	222.550.000	1.300.000	221.250.000	
10.6	Hội Nông dân	228.118.000	1.300.000	226.818.000	
10.7	Hội Cựu chiến binh	149.128.000	1.300.000	147.828.000	
10.8	Hội Người cao tuổi	110.772.000	900.000	109.872.000	
10.9	Hội Chữ thập đỏ	31.500.000	900.000	30.600.000	
11	Chi khác	33.008.000	3.350.000	29.658.000	
III	DỰ PHÒNG	289.883.000		289.883.000	
IV	TRÍCH TẠO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL	368.000.000		368.000.000	

